

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm
2. Bà Đỗ Thị Thanh Uyên

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 01/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tiến K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị M tổ chức lễ cưới vào năm 1998. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng ông về làm ăn và chung sống tại thôn D, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do ông

và Bà M không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành ông không đề nghị Toà án xem xét.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2022 và biên bản hòa giải bà Bùi Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tiến K tổ chức lễ cưới vào năm 1998. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng bà về làm ăn và chung sống tại thôn D, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, ông K có đơn khởi kiện vụ án ly hôn bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng do bà và ông K không có đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà M xác định quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành bà không đề nghị Toà án xem xét.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Bà M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến K, không công nhận ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M là vợ chồng. Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 08/5/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm ông Nguyễn Tiến K phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Tiến K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bà Bùi Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn G, xã L, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tiến K, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 1998 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Nguyễn Tiến K và vợ là Bùi Thị M đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận là ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M vợ chồng.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình chung sống vợ chồng ông K, Bà M có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông K và Bà M đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Tiến K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Bùi Thị M không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến K về việc *Kiểm Tranh chấp ly hôn* đối với bà Bùi Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Tiến K và bà Bùi Thị M có 02 con chung là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002203 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà Bùi Thị M không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Cao Lâm – Đỗ Thị Thanh Uyên

Lê Tuấn Linh

